

Số: 134/CSDP - KTTV

Bình Phước, ngày 10 tháng 03 năm 2022

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh  
tổng hợp 2021 (đã kiểm toán)

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP NĂM 2021**  
(Đã Kiểm Toán)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	TM	NĂM 2021	NĂM 2020	CHÊNH LỆCH	%
		số					
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	810.557.991.922	764.594.712.896	45.963.279.026	106,01
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		411.300.288	-	411.300.288	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 10 - 01 )	11		810.146.691.634	764.594.712.896	45.551.978.738	105,96
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	535.260.186.680	562.090.035.876	(26.829.849.196)	95,23
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	21		274.886.504.954	202.504.677.020	72.381.827.934	135,74
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	34.337.264.522	42.099.072.164	(7.761.807.642)	81,56
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	21.231.362.635	5.769.991.105	15.461.371.530	367,96
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25		-	1.911.425.799	(1.911.425.799)	-
9	Chi phí bán hàng	26		5.233.238.964	5.113.359.540	119.879.424	102,34
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		46.537.923.850	48.083.539.724	(1.545.615.874)	96,79
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 ) }	31		236.221.244.027	185.636.858.815	50.584.385.212	127,25
12	Thu nhập khác	32		260.022.657.719	21.864.555.647	238.158.102.072	1.189,24
13	Chi phí khác	40		26.819.083.693	12.585.601.319	14.233.482.374	213,09
14	Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	50		233.203.574.026	9.278.954.328	223.924.619.698	2.513,25
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		469.424.818.053	194.915.813.143	274.509.004.910	240,83
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	90.523.491.783	48.311.464.759	42.212.027.024	187,37
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		378.901.326.270	146.604.348.384	232.296.977.886	258,45
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

**Giải Trình:**

Trong năm 2020: Sản lượng tiêu thụ là: 15.169,76 tấn; Giá bán bình quân: 35.475.993 VND/tấn.

Trong năm 2021: Sản lượng tiêu thụ là: 13.145,12 tấn; Giá bán bình quân: 42.676.627 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ năm 2021 thấp hơn năm 2020. Nhưng giá bán bình quân cao hơn năm 2020.

(giá bán bình quân năm 2021 tăng : 7.200.634VND/tấn hay tăng: 20,0 % so với năm 2020).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2021 tăng: 50.584.385.212VND hay tăng 27,25% so với năm 2020.

+ Lợi nhuận khác năm 2021 tăng : 223.924.619.698 VND so với năm 2020.

Do đó, lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng: 232.296.977.886 VND hay tăng : 158,45% so với năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu ( b )



Hồ Cường